

Số: /TTr-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 2

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, trong đó Bộ Công an được giao tiến hành việc đánh giá, tổng kết thi hành Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

Để thực hiện nhiệm vụ nêu trên, Bộ Công an đã thành lập Ban Soạn thảo xây dựng Nghị định, đồng thời Trưởng Ban soạn thảo đã ban hành Quyết định thành lập Tô Biên tập xây dựng Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Công an kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với những nội dung chính sau đây:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị

Trong thời gian vừa qua, Đảng, Nhà nước luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có nhiều chủ trương, định hướng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam:

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ: “Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, dân chủ, công bằng, nhân đạo, hiện đại, đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận”; “Bảo đảm thể chế hoá đầy đủ, kịp thời đường lối của Đảng, cụ thể hoá Hiến pháp, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân làm trung tâm, bảo đảm Nhân dân làm chủ, kiểm soát quyền lực nhà nước, quản trị quốc gia, hiện đại”

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV đã nêu: “Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế;” “Tăng

cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo.”

Kết luận số 15-KL/TW ngày 30/9/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới” đã nêu nhiệm vụ “tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”.

2. Cơ sở pháp lý

Ngày 12 tháng 11 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 166/2013/NĐ-CP quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hướng dẫn Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Nghị định đã quy định tương đối cụ thể về nguyên tắc, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế cũng như thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế, tạo cơ sở pháp lý quan trọng và điều kiện thuận lợi cho các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện nghiêm túc các quy định về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Điều 86, Điều 87 và Điều 88 với một số nội dung mới, thay đổi so với Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

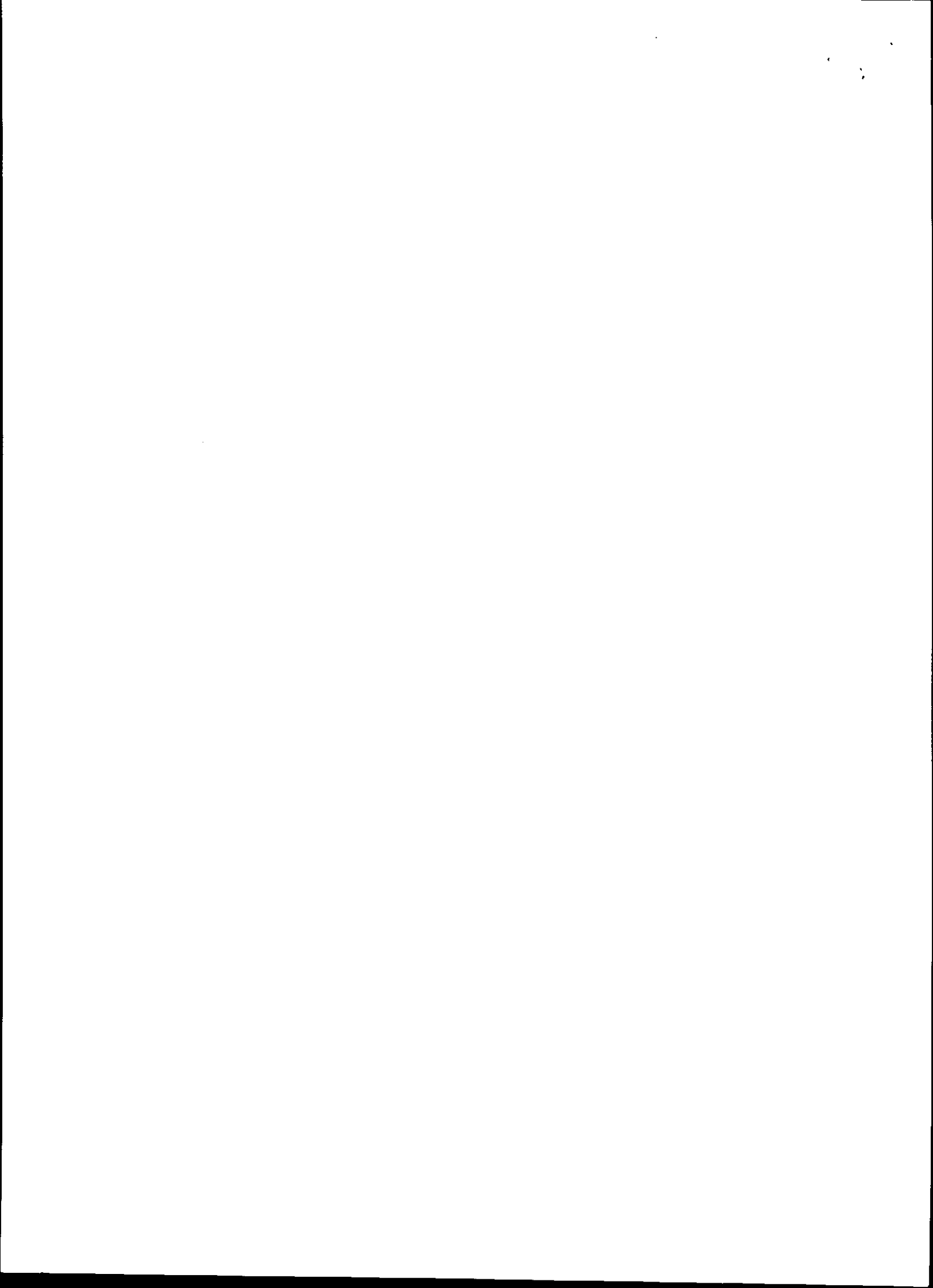
3. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thời gian qua đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc, nhiều nội dung cần phải bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn như về lực lượng, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ việc cưỡng chế; về chi phí dành cho công tác cưỡng chế; về cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong tổ chức cưỡng chế và một số bất cập trong các biện pháp cưỡng chế cụ thể;... Một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành như:

(1) Chưa có quy định về: ⁽¹⁾ Kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế của tổ chức bị cưỡng chế là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; đơn vị sự nghiệp công lập không có thu được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước; ⁽²⁾ Lập biên bản việc tổ chức, cá nhân bị xử phạt không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; ⁽³⁾ Tạm đình

chỉ, đình chỉ cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; ⁽⁴⁾ Xác minh thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; ⁽⁵⁾ Chấm dứt phong tỏa tài khoản; Nguyên tắc kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá; ⁽⁶⁾ Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm; ⁽⁷⁾ Kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp; ⁽⁸⁾ Kê biên vốn góp; ⁽⁹⁾ Kê biên tài sản gắn liền với đất; ⁽¹⁰⁾ Kê biên nhà ở; ⁽¹¹⁾ Kê biên phương tiện giao thông; ⁽¹²⁾ Kê biên hoa lợi; ⁽¹³⁾ quy định về biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; ⁽¹⁴⁾ quy định về việc cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt;

(2) Cần sửa đổi, bổ sung quy định về: ⁽¹⁾ Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định bao gồm cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính, hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính; ⁽²⁾ Sửa đổi, bổ sung về nguyên tắc áp dụng nhằm giải quyết vướng mắc trong thực tiễn thi hành; ⁽³⁾ Bổ sung đối tượng là tổ chức bị áp dụng cưỡng chế bao gồm “đơn vị sự nghiệp công lập không có thu”, và quy định về nguồn tiền khấu trừ và tài sản kê biên đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác bị áp dụng cưỡng chế chưa được quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP; ⁽⁴⁾ Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế bổ sung nội dung giao việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế theo “địa bàn quản lý của Ủy ban nhân dân cấp dưới hoặc căn cứ lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương”, giải quyết vướng mắc trong thực tiễn áp dụng với trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định cưỡng chế đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thì giao đơn vị nào tổ chức thi hành vì cơ quan hải quan không phải là cơ quan chuyên môn thuộc UBND (Nếu giao cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tổ chức thi hành thì về thực tế là không thuận lợi bằng cơ quan hải quan); ⁽⁵⁾ Bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế sửa đổi, bổ sung: sửa đổi “lực lượng Cảnh sát” thành “lực lượng Công an” do lực lượng thực hiện, phối hợp thực hiện chủ yếu là Công an xã; ⁽⁶⁾ Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập: bổ sung “viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân”, và sửa đổi “cá nhân hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.”, không áp dụng với các chế độ khác về bảo hiểm xã hội như chế độ tử tuất, chế độ ốm đau, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; ⁽⁷⁾ Quy định chi tiết về việc xác minh thông tin về tiền lương và thu nhập; phương thức xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế; ⁽⁸⁾ Quy định về thời hạn ra quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân; ⁽⁹⁾ Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị khấu trừ: bổ sung thời hạn khấu trừ và biện pháp xử lý với hành vi không thực



hiện quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền; ⁽¹⁰⁾ Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, trách nhiệm của tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế mở tài khoản, số tiền gửi quy định phù hợp với Điểm c khoản 3 Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính; ⁽¹¹⁾ Bổ sung quy định về tài sản không được kê biên; quy định về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế là tổ chức, Nghị định 166/2021/NĐ-CP chưa quy định về nội dung này; ⁽¹²⁾ Bổ sung quy định về biên bản thi hành cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản; ⁽¹³⁾ Quy định chi tiết hơn về chi phí cưỡng chế; bổ sung quy định “Trường hợp số tiền thu được của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không đủ để chi phí cưỡng chế thì phần còn thiếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.”

Những khó khăn, vướng mắc trong quy định của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP đã dẫn đến tỷ lệ và hiệu quả cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính còn hạn chế, thậm chí ảnh hưởng đến tính nghiêm minh và hiệu lực của pháp luật.

Để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả công tác xử phạt vi phạm hành chính; đồng thời, để phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và thực hiện nghiêm túc Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, thì việc xây dựng và ban hành Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Thể chế hoá đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói chung và thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính nói riêng nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính tạo sự nhận thức đúng đắn, đầy đủ về công tác này trong thời gian tới.

- Tạo hành lang pháp lý nhằm xử lý nghiêm đối với cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định hoặc không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Việc xây dựng Nghị định dựa trên những quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống các quy định pháp luật hiện hành.

- Kế thừa có chọn lọc những quy định còn phù hợp của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; đồng thời bổ sung các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan mới được ban hành; khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Bảo đảm tính khả thi của Nghị định, phù hợp với thực tiễn điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước, góp phần nâng cao hiệu quả công tác xử phạt vi phạm hành chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Trong quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Công an – cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đúng, đủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

1. Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 1380/QĐ-BCA ngày 17/3/2023 thành lập Ban Soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Trưởng Ban soạn thảo đã ban hành Quyết định số 1564/QĐ-BST ngày 24/3/2023 về việc thành lập Tổ biên tập xây dựng Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính với sự tham gia của đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ: Quốc phòng, Tư pháp, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và xã hội, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Công an.

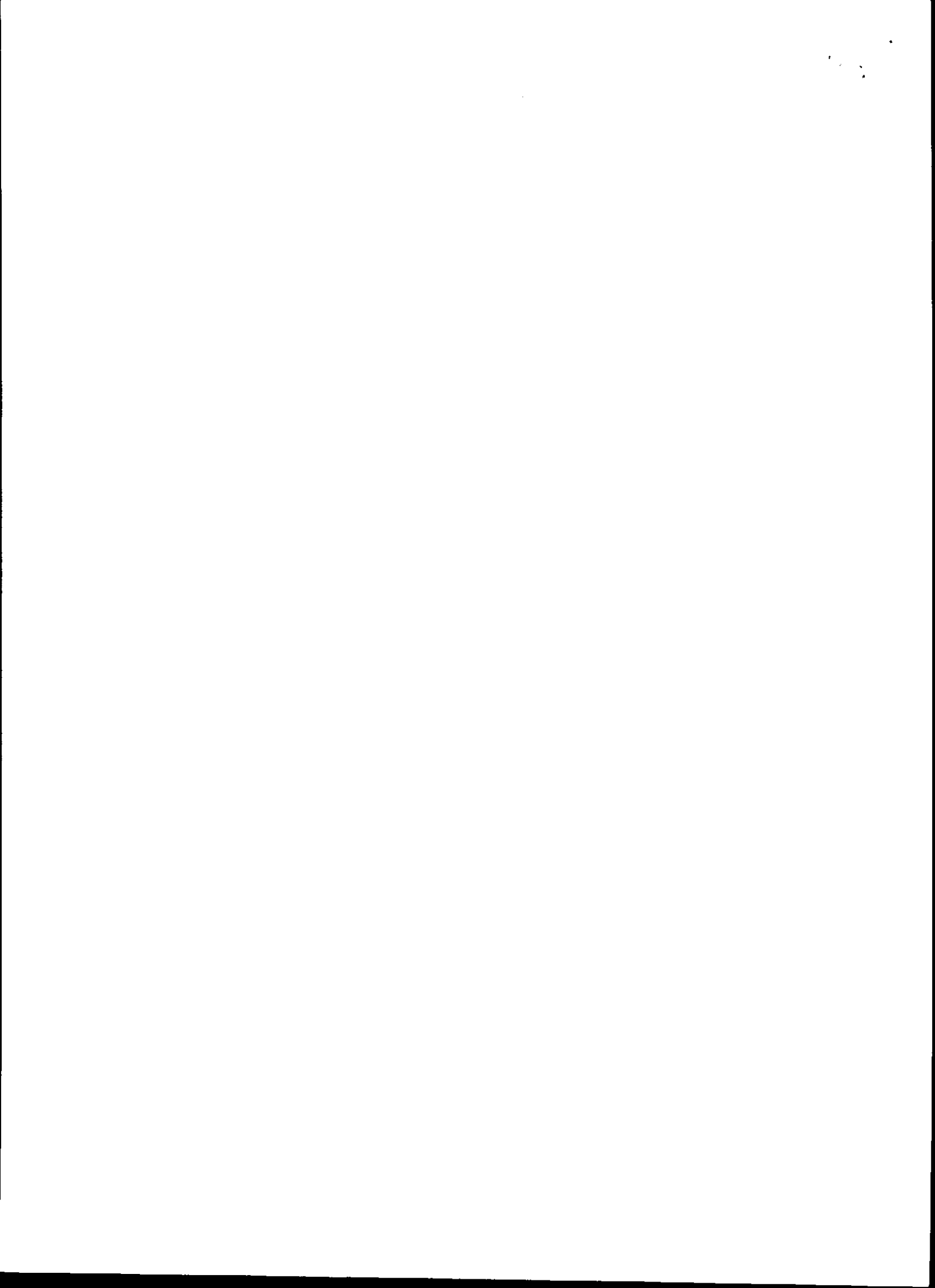
2. Đã tiến hành tổng kết việc thực hiện Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo về dự thảo Nghị định, lấy ý kiến tham gia của các các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan và Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Công an để lấy ý kiến rộng rãi của Nhân dân.

3. Sau khi tiếp thu ý kiến tham gia, hoàn chỉnh dự thảo Nghị định, Bộ Công an có công văn số .../BCA-QLHC ngày .../.../2023 và hồ sơ kèm theo đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định. Ngày .../.../2023, Bộ Tư pháp có báo cáo số .../BCTĐ về thẩm định dự thảo Nghị định.

4. Đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định. Đến nay, Nghị định đã hoàn chỉnh, đủ điều kiện để trình Chính phủ xem xét, thông qua.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định gồm 05 chương, 56 điều với nội dung cơ bản sau:



1. Chương I. Những quy định chung

Chương này gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10), quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng; nguồn tiền khấu trừ và tài sản kê biên đối với tổ chức bị áp dụng cưỡng chế; kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế của tổ chức bị cưỡng chế là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; đơn vị sự nghiệp công lập không có thu được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước; lập biên bản việc tổ chức, cá nhân bị xử phạt không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; gửi quyết định cưỡng chế đến cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan; trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế; bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế; tạm đình chỉ, đình chỉ cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Chương II. Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế

Chương này gồm 05 Mục, 36 điều (từ Điều 11 đến Điều 46), quy định về đối tượng bị áp dụng trong từng biện pháp cưỡng chế, xác minh thông tin về tiền, tiền lương, thu nhập, tài khoản, tiền gửi, tài sản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; quyết định cưỡng chế, tỷ lệ khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân bị cưỡng chế; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị khấu trừ; trách nhiệm của tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế mở tài khoản, sổ tiền gửi; chấm dứt phong tỏa tài khoản; nguyên tắc kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá; những tài sản không được kê biên; quyết định cưỡng chế kê biên tài sản; tổ chức thi hành các biện pháp cưỡng chế cụ thể; biên bản thi hành các biện pháp cưỡng chế cụ thể; giao bảo quản tài sản kê biên; định giá tài sản kê biên; chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá; chuyển giao quyền sở hữu tài sản.

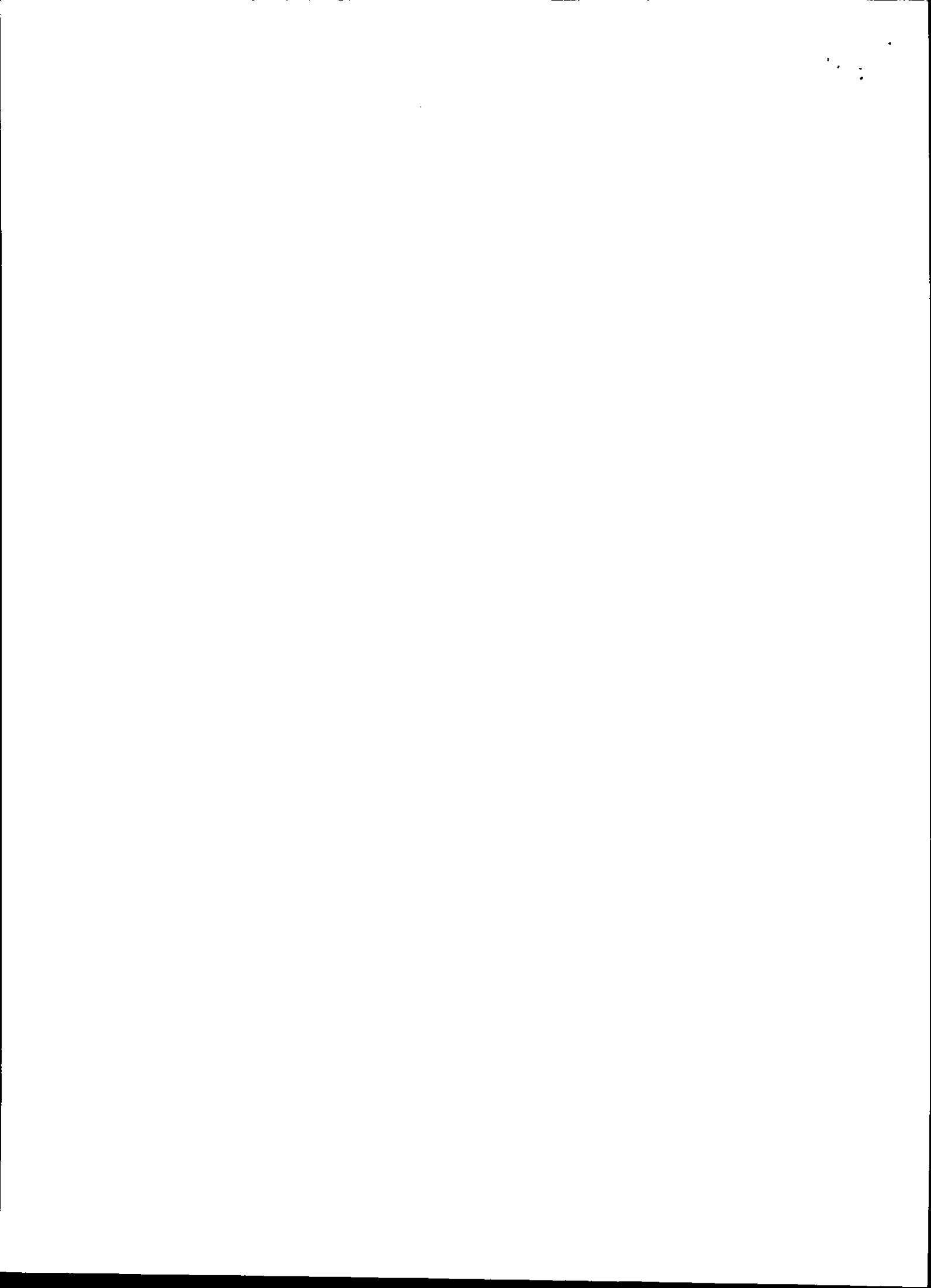
3. Chương III. Bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế hành chính

Chương này gồm 04 điều (từ Điều 47 đến Điều 50), quy định về các biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính; chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế để bảo đảm thi hành; cưỡng chế đối với cá nhân, tổ chức vừa bị áp dụng các hình thức xử phạt vừa bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả; quyết định về việc chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt.

4. Chương IV. Chi phí cưỡng chế hành chính

Chương này gồm 03 Điều (từ Điều 51 đến Điều 53), quy định về xác định chi phí cưỡng chế; tạm ứng, hoàn trả chi phí cưỡng chế; thanh toán chi phí cưỡng chế.

5. Chương V. Điều khoản thi hành



Chương này gồm 03 Điều (Điều 54 và Điều 56), quy định về hiệu lực thi hành của Nghị định; điều khoản chuyển tiếp; trách nhiệm thi hành của các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thi hành Nghị định.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN

(Nội dung này sẽ tổng hợp sau khi có ý kiến tham gia của các Bộ, ngành)

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Bộ Công an xin kính trình dự thảo Nghị định này (*gửi kèm theo văn bản góp ý của các Bộ, ngành*) để Chính phủ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLHC.

BỘ TRƯỞNG

Thượng tướng Lương Tam Quang

10

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

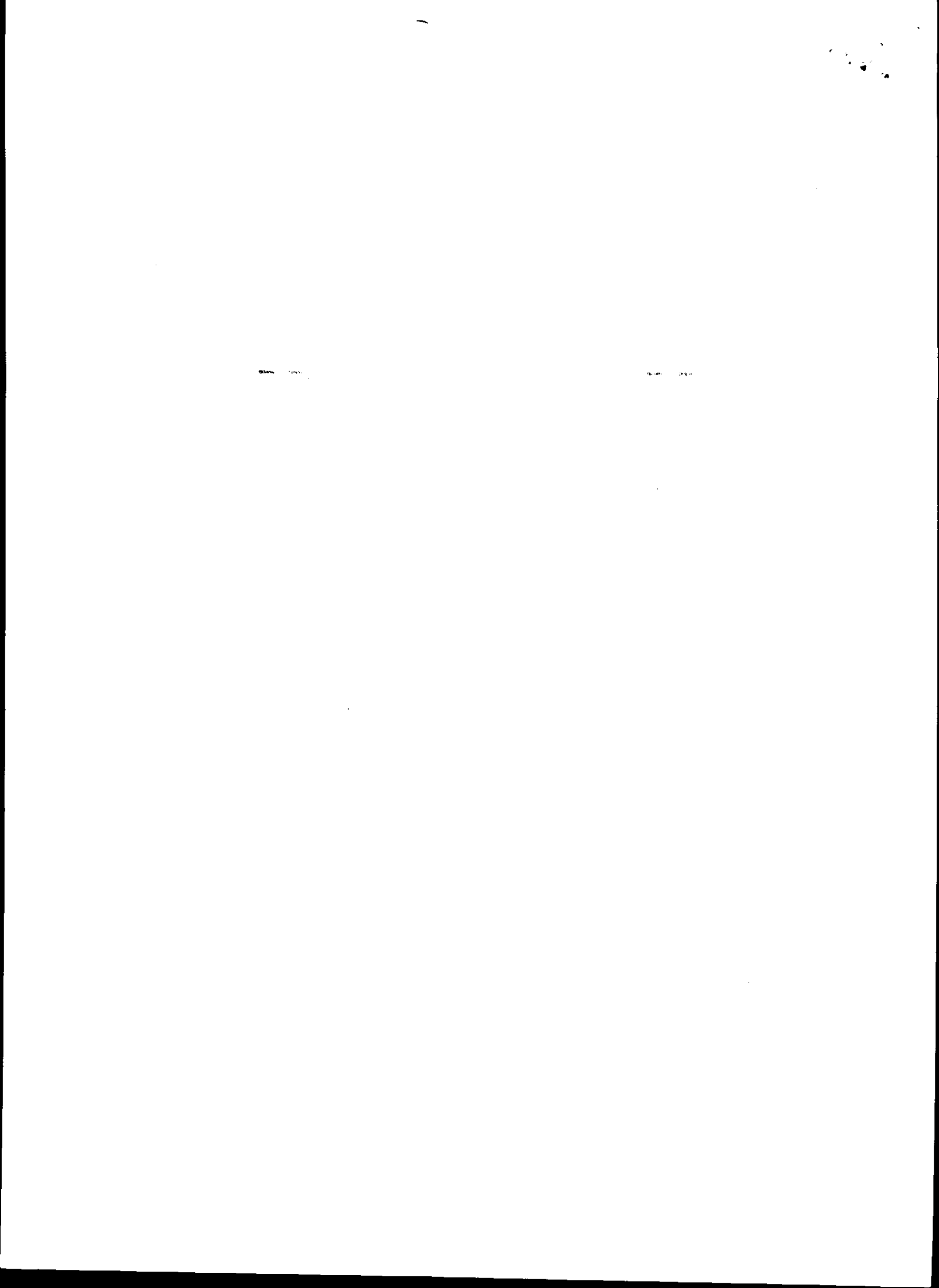
Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (sau đây gọi chung là cưỡng chế), trách nhiệm thi hành và bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.



2. Người có thẩm quyền, cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành cưỡng chế và tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thi hành cưỡng chế.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của người có thẩm quyền.

2. Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương.

3. *Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính nếu việc áp dụng một biện pháp cưỡng chế không đủ để bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế.*

4. *Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế và cá nhân, tổ chức khác có liên quan trong cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.*

Điều 4. Nguồn tiền khấu trừ và tài sản kê biên đối với tổ chức bị áp dụng cưỡng chế

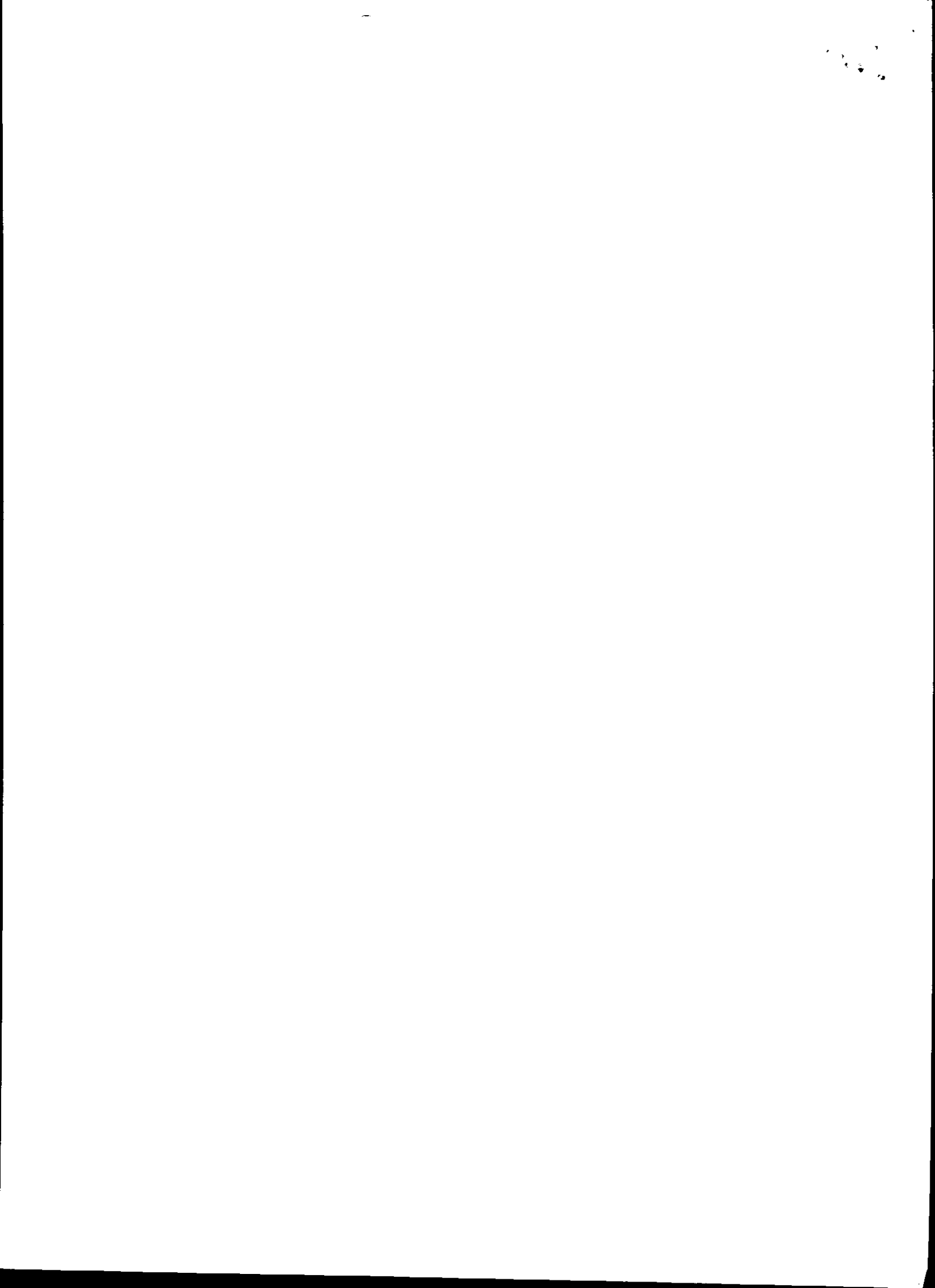
1. Đối với tổ chức là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, *đơn vị sự nghiệp công lập không có thu được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước* bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền, và trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế thì thực hiện khấu trừ từ nguồn kinh phí quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu, đơn vị vũ trang được tổ chức các hoạt động có thu theo quy định của pháp luật, khi bị khấu trừ, kê biên tài sản và trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế thì lấy từ nguồn thu và tài sản do các hoạt động này mang lại.

3. Đối với tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản của tổ chức, quỹ đó.

4. Đối với doanh nghiệp và hợp tác xã thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản hoặc thu nhập bằng tiền, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó.

5. *Đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản chung của hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác; trường hợp tài sản chung không đủ để thi*



hành quyết định cưỡng chế thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản của các thành viên trong hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác hoặc pháp luật có liên quan quy định khác.

Điều 5. Kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế của tổ chức bị cưỡng chế là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập không có thu được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước

1. Nhà nước có trách nhiệm bố trí một khoản kinh phí trong ngân sách nhà nước để thực hiện trách nhiệm thi hành quyết định cưỡng chế của tổ chức bị cưỡng chế là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập không có thu được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp tổ chức bị cưỡng chế được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách trung ương thì kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế được bảo đảm từ ngân sách trung ương; trường hợp tổ chức bị cưỡng chế được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách địa phương thì kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế được bảo đảm từ ngân sách cấp tỉnh.

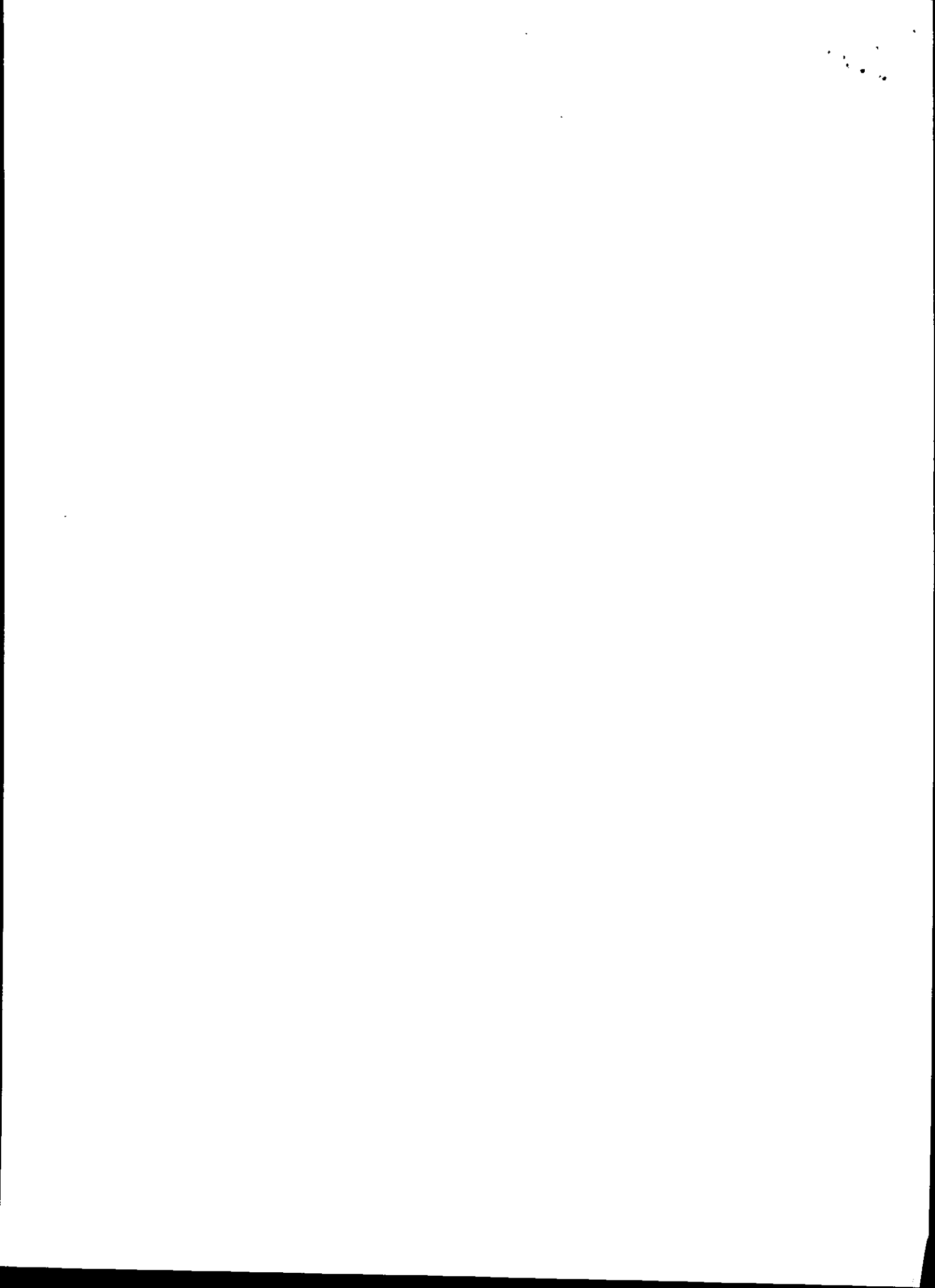
3. Hằng năm, căn cứ thực tế số tiền thi hành quyết định cưỡng chế đã cấp phát của năm trước, Bộ Tài chính lập dự toán kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế của tổ chức bị cưỡng chế được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách trung ương, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Hằng năm, căn cứ thực tế số tiền thi hành quyết định cưỡng chế đã cấp phát của năm trước, Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế của tổ chức bị cưỡng chế được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, tổ chức bị cưỡng chế quy định tại khoản 1 Điều này phải gửi văn bản đề nghị cấp kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế kèm theo các tài liệu liên quan đến cơ quan tài chính có thẩm quyền. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản đề nghị và các tài liệu liên quan, cơ quan tài chính phải hoàn thành việc cấp phát kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế cho tổ chức bị cưỡng chế.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí do cơ quan tài chính cấp, tổ chức bị cưỡng chế có trách nhiệm chi trả kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế.

Sau khi chi trả kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế, tổ chức bị cưỡng chế có trách nhiệm gửi giấy tờ, tài liệu có liên quan đến việc chi trả kinh phí thi



hành quyết định cưỡng chế cho cơ quan tài chính đã cấp phát kinh phí để quyết toán theo quy định của pháp luật.

5. Kết thúc năm ngân sách, Bộ Tài chính, Sở Tài chính có trách nhiệm quyết toán kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Người thi hành công vụ có lỗi dẫn tới hành vi vi phạm hành chính của tổ chức bị cưỡng chế có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân sách nhà nước một phần hoặc toàn bộ số tiền mà Nhà nước đã chi trả kinh phí thi hành quyết định cưỡng chế.

Trường hợp có nhiều người thi hành công vụ cùng có lỗi thì những người đó có nghĩa vụ hoàn trả tương ứng với mức độ lỗi của mình và thiệt hại mà Nhà nước phải bồi thường.

Điều 6. Lập biên bản việc tổ chức, cá nhân bị xử phạt không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1. Trong quá trình theo dõi, kiểm tra việc chấp hành án quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đại diện cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt lập biên bản về việc tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả với sự chứng kiến của cá nhân vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm.

Trường hợp cá nhân vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký vào biên bản thì phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi lập biên bản hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc tổ chức, cá nhân vi phạm không ký vào biên bản.

2. Biên bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; căn cứ lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; tên, địa chỉ, kết quả chấp hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của tổ chức, cá nhân vi phạm; ý kiến của tổ chức, cá nhân vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

3. Biên bản nêu tại khoản 1 Điều này là một trong những căn cứ để người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

Điều 7. Gửi quyết định cưỡng chế đến cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, người ra quyết định cưỡng chế phải gửi quyết định cưỡng chế cho cá nhân, tổ

10

chức bị cưỡng chế, *cơ quan, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế* và cá nhân, tổ chức có liên quan.

Trường hợp cưỡng chế bằng biện pháp quy định tại điểm b, c và d khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính thì quyết định cưỡng chế phải được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế trước khi thi hành để phối hợp thực hiện.

2. Quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết.

Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của *Ủy ban nhân dân cấp xã* và được coi là quyết định đã được giao.

Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế

1. Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

2. Đối với quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, *cơ quan được tổ chức theo ngành dọc, địa bàn quản lý của Ủy ban nhân dân cấp dưới hoặc căn cứ lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương* để phân công cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Việc phân công cơ quan chủ trì phải trên nguyên tắc vụ việc thuộc lĩnh vực chuyên môn hoặc *địa bàn quản lý* của cơ quan nào thì giao cơ quan đó chủ trì; trường hợp vụ việc liên quan đến nhiều cơ quan thì căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để quyết định giao cho một cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

3. *Cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm xây dựng phương án cưỡng chế trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt.*

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc cơ quan được giao chủ trì tổ chức cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện quyết định cưỡng chế.

11

Điều 9. Bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế

1. Lực lượng *Công an nhân dân* có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế khi được phân công hoặc yêu cầu.

Trường hợp có yêu cầu lực lượng *Công an nhân dân* tham gia bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế thì cơ quan chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế phải gửi văn bản yêu cầu đến cơ quan *Công an* cùng cấp 05 ngày làm việc trước khi thực hiện cưỡng chế để bố trí lực lượng.

2. Khi tham gia cưỡng chế, lực lượng *Công an nhân dân* có trách nhiệm ngăn chặn các hành vi gây rối, chống người thi hành công vụ, bảo đảm trật tự, an toàn.

Điều 10. Tạm đình chỉ, đình chỉ cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị tạm đình chỉ thực hiện khi có quyết định tạm chỉ việc thi hành của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tổ tụng hành chính hoặc người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải ra quyết định đình chỉ cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp sau đây:

a) Cá nhân bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt tiền hoặc chi trả chi phí khắc phục hậu quả chết không để lại di sản hoặc theo quy định của pháp luật nghĩa vụ của người đó theo bản án, quyết định không được chuyển giao cho người thừa kế;

b) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả bị hủy bỏ, sửa đổi mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt không phải thi hành quyết định đó nữa;

c) Tổ chức bị cưỡng chế đã giải thể, không còn tài sản mà theo quy định của pháp luật nghĩa vụ của họ không được chuyển giao cho tổ chức khác;

d) Có quyết định giảm, miễn tiền phạt mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt không phải thi hành quyết định xử phạt đó nữa.

2. Thời hạn ra quyết định đình chỉ là 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ÁP DỤNG
CÁC BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ

Mục 1
KHÁU TRỪ MỘT PHẦN LƯƠNG
HOẶC MỘT PHẦN THU NHẬP

Điều 11. Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập

1. Cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế là cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân hoặc cá nhân đang làm việc được hưởng tiền lương hoặc thu nhập tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức.

2. Cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đang được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

Điều 12. Xác minh thông tin về tiền lương và thu nhập

1. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng được hưởng của cá nhân bị cưỡng chế để làm căn cứ ra quyết định cưỡng chế.

Việc xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị cưỡng chế phải được lập thành biên bản xác minh.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt yêu cầu cá nhân, tổ chức hoàn trả kinh phí đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có văn bản yêu cầu cá nhân bị cưỡng chế; tổ chức, cá nhân đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập và các tổ chức, cá nhân liên quan phải cung cấp thông tin bằng văn bản về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị cưỡng chế hoặc tổ chức tiến hành xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị cưỡng chế.

3. Cá nhân bị cưỡng chế; tổ chức, cá nhân đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập và các tổ chức, cá nhân liên quan phải cung cấp thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị cưỡng chế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã cung cấp.

10

Điều 13. Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị cưỡng chế, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải ra quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân.

2. Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân phải bao gồm những nội dung cơ bản sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của cá nhân bị cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập; tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế; số tiền bị khấu trừ; lý do khấu trừ; tên, số tài khoản của Kho bạc Nhà nước nhận tiền; thời gian thực hiện; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

Điều 14. Tỷ lệ khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân bị cưỡng chế

Việc khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có thể tiến hành nhiều lần, tỷ lệ như sau:

1. Đối với tiền lương, bảo hiểm xã hội tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 30% tổng số tiền lương, lương hưu hằng tháng được hưởng.

2. Đối với những khoản thu nhập khác, tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 50% tổng số thu nhập.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị khấu trừ

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quyết định cưỡng chế của người ra quyết định cưỡng chế.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đến kỳ lĩnh tiền lương hoặc thu nhập gần nhất, cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế có trách nhiệm khấu trừ một phần lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế và chuyển số tiền đã khấu trừ đến tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo nội dung ghi trong quyết định cưỡng chế, đồng thời thông báo cho người ra quyết định cưỡng chế biết.

11

3. Trường hợp chưa khấu trừ đủ số tiền theo quyết định cưỡng chế mà cá nhân bị cưỡng chế đã chấm dứt hợp đồng có hưởng lương hoặc thu nhập thì cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động phải thông báo ngay cho người ra quyết định cưỡng chế biết.

4. Trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập cố tình không thực hiện quyết định cưỡng chế khấu trừ của cơ quan có thẩm quyền thì *được coi là hành vi cản trở, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ* và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 2 KHÁU TRỪ TIỀN TỪ TÀI KHOẢN

Điều 16. Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản

Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản là tổ chức, cá nhân không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, quyết định *áp dụng biện pháp* khắc phục hậu quả, không thanh toán hoặc thanh toán chưa đủ *kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*, chi phí cưỡng chế mà có mở tài khoản hoặc tiền gửi tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam.

Điều 17. Xác minh thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế

1. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông tin về tài khoản, tiền gửi của mình tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

2. Trường hợp chưa có thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thì việc xác minh thông tin thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt yêu cầu cá nhân, tổ chức hoàn trả kinh phí đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có văn bản yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước cung cấp thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế. Văn bản yêu

câu phải ghi rõ các thông tin cần cung cấp như tên, địa chỉ, số tài khoản hoặc số số tiền gửi, số tiền có trong tài khoản hoặc số tiền gửi và các thông tin cần thiết khác.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước có văn bản chỉ đạo các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam do mình quản lý cung cấp thông tin kèm theo văn bản yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, cơ quan Kho bạc Nhà nước ở địa phương, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin gửi về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước tập hợp.

d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm chuyển thông tin cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ thông tin từ tổ chức tín dụng, cơ quan Kho bạc Nhà nước ở địa phương, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

3. Trường hợp người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam cung cấp thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

4. Người được cung cấp thông tin quy định tại Điều này có trách nhiệm bảo mật những thông tin được cung cấp.

Điều 18. Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tiền gửi

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thông tin về tài khoản, tiền gửi, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

11

2. Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, *tiền gửi* bao gồm những nội dung *cơ bản* sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; số tiền bị khấu trừ, lý do khấu trừ; họ tên, số tài khoản, *số số tiền gửi* của cá nhân, tổ chức bị khấu trừ; tên, địa chỉ tổ chức tín dụng, *Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* nơi đối tượng bị áp dụng khấu trừ mở tài khoản, số tiền gửi; tên, số tài khoản của Kho bạc Nhà nước; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu cơ quan ra quyết định.

3. *Sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thể xác minh thông tin về điều kiện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.*

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế mở tài khoản, số tiền gửi

1. *Cung cấp thông tin về điều kiện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền cưỡng chế theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này.*

2. *Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tiền gửi, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải phong tỏa số tiền trong tài khoản, số tiền gửi tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp hoặc phong tỏa toàn bộ số tiền trong tài khoản, số tiền gửi trong trường hợp số dư trong tài khoản, số tiền gửi ít hơn số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết việc phong tỏa và trích chuyển số tiền trong tài khoản, số tiền gửi.*

3. *Ngay sau khi hết thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết việc phong tỏa và trích chuyển số tiền trong tài khoản, số tiền gửi, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải trích chuyển số tiền phải nộp từ tài khoản, số tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế vào ngân sách nhà nước qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước.*

4. *Trường hợp tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam không cung cấp thông tin, phong tỏa, trích chuyển tiền từ tài khoản, số tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế theo yêu cầu, quyết định của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế bị xử lý theo quy định của pháp luật.*

5. Sau khi thu tiền, Kho bạc Nhà nước nơi nhận tiền trích chuyển có trách nhiệm thông báo cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

Điều 20. Chấm dứt phong tỏa tài khoản

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thi hành xong quyết định cưỡng chế hoặc ngay sau khi cơ quan, tổ chức đã thực hiện xong yêu cầu của người ra quyết định cưỡng chế về khấu trừ tiền trong tài khoản thì người ra quyết định cưỡng chế phải ban hành quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản.

2. Sau khi ra quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản, người ra quyết định cưỡng chế phải gửi tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để thi hành quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản.

3. Tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang quản lý tài khoản, số tiền gửi của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế thực hiện chấm dứt phong tỏa tài khoản ngay khi nhận được quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản và thông báo bằng văn bản việc chấm dứt phong tỏa tài khoản cho người ra quyết định cưỡng chế và cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt phong tỏa tài khoản.

Mục 3

KÊ BIÊN TÀI SẢN CÓ GIÁ TRỊ TƯƠNG ƯNG VỚI SỐ TIỀN PHẠT ĐỂ BÁN ĐẤU GIÁ

Điều 21. Nguyên tắc kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá

1. Chỉ được kê biên tài sản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế tương ứng với số tiền đủ để thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không có tài sản tương ứng với số tiền đủ để thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế thì có thể kê biên tài sản lớn hơn tổng số tiền thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức cưỡng chế nếu tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản.

2. Không được kê biên các tài sản quy định tại Điều 22 Nghị định này.

3. Kê biên đồ vật bị khóa, đóng gói được thực hiện như sau:

Khi kê biên đồ vật đang bị khóa hoặc đóng gói thì người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế yêu cầu cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, người đang sử

dụng, quản lý đồ vật mở khóa, mở gói; nếu họ không mở hoặc cố tình vắng mặt thì người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế tự mình hoặc có thể thuê cá nhân, tổ chức khác mở khóa, phá khóa hoặc mở gói, trong trường hợp này phải có người làm chứng. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu thiệt hại do việc mở khóa, phá khóa, mở gói.

Trường hợp cần thiết, sau khi mở khóa, phá khóa, mở gói, người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế niêm phong đồ vật bị kê biên.

Việc mở khóa, phá khóa, mở gói hoặc niêm phong phải lập biên bản, có chữ ký của người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế, cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế và những người liên quan; trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không ký biên bản thì phải có chữ ký của người làm chứng.

4. Việc kê biên tài sản phải thực hiện vào ban ngày, thời gian từ 08 giờ đến 17 giờ; không tổ chức kê biên tài sản vào các ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Những tài sản không được kê biên

1. Tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

2. Tài sản sau đây của đối tượng bị cưỡng chế là cá nhân:

a) Nhà ở duy nhất của cá nhân và gia đình người bị cưỡng chế có diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về cư trú.

b) Thuốc chữa bệnh, lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho cá nhân bị cưỡng chế và gia đình họ sử dụng.

c) Công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt thông thường cần thiết cho cá nhân bị cưỡng chế và gia đình họ sử dụng.

d) Đồ dùng thờ cúng; di vật, huân chương, huy chương, bằng khen.

e) Vật dụng cần thiết của người tàn tật, vật dụng dùng để chăm sóc người ốm.

3. Tài sản sau đây của đối tượng bị cưỡng chế là tổ chức:

a) Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn của người lao động.

b) Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh.

12

c) *Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường.*

Điều 23. Xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị kê biên

1. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm *tổ chức* xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị kê biên, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền bị xử phạt, *thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.*

2. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có văn bản yêu cầu cá nhân, *tổ chức bị cưỡng chế; tổ chức, cá nhân đang quản lý tài sản và các tổ chức, cá nhân liên quan phải cung cấp thông tin bằng văn bản về tài sản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế hoặc tổ chức tiến hành xác minh thông tin về tài sản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.*

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế khi có yêu cầu của cơ quan ra quyết định cưỡng chế.

Điều 24. Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản

1. Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản bao gồm những nội dung *cơ bản* sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị người ra quyết định; họ tên, nơi cư trú, trụ sở của cá nhân, tổ chức bị kê biên tài sản; *lý do kê biên tài sản; số tiền bị xử phạt, thi hành biện pháp khắc phục hậu quả, chi phí tổ chức thực hiện cưỡng chế;* địa điểm kê biên; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

2. Việc kê biên tài sản phải được thông báo cho cá nhân, tổ chức bị kê biên, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc tổ chức có trụ sở đóng trên địa bàn hoặc cơ quan nơi người đó công tác trước khi tiến hành cưỡng chế kê biên *ít nhất 05* ngày làm việc, trừ trường hợp việc thông báo sẽ gây trở ngại cho việc tiến hành kê biên.

Điều 25. Tổ chức thi hành cưỡng chế kê biên tài sản

1. Người ra quyết định cưỡng chế hoặc người được phân công thực hiện quyết định cưỡng chế chủ trì thực hiện việc kê biên.

2. Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt cá nhân bị cưỡng chế hoặc người thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự trong gia đình, đại diện tổ chức bị kê biên tài sản.

11

Nếu cá nhân phải thi hành quyết định cưỡng chế hoặc người thành niên trong gia đình, *đại diện tổ chức bị kê biên tài sản cố tình vắng mặt hoặc có mặt nhưng cản trở việc kê biên*, thì vẫn tiến hành kê biên tài sản nhưng phải có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc ít nhất 01 người chứng kiến.

3. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có quyền đề nghị kê biên tài sản nào trước, người được giao chủ trì kê biên phải chấp nhận nếu xét thấy đề nghị đó không ảnh hưởng đến việc cưỡng chế.

Nếu cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không đề nghị cụ thể việc kê biên tài sản nào trước thì tài sản thuộc sở hữu riêng được kê biên trước.

4. Chỉ kê biên những tài sản thuộc sở hữu chung của cá nhân, *tổ chức* bị cưỡng chế với người khác nếu cá nhân, *tổ chức* bị cưỡng chế không có tài sản riêng hoặc tài sản riêng không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế. Trường hợp tài sản có tranh chấp thì vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho những người cùng sở hữu tài sản kê biên về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

Cơ quan tiến hành kê biên có trách nhiệm thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên để các đồng sở hữu biết. Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Điều 26. Biên bản kê biên tài sản

1. Việc kê biên tài sản phải được lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm tiến hành kê biên tài sản; họ tên, chức vụ người chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện cho tổ chức bị kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ; người chứng kiến *hoặc* đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có); mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản bị kê biên.

2. Người chủ trì thực hiện việc kê biên, người đại diện cho tổ chức bị kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ, người chứng kiến *hoặc* đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có) ký tên vào biên bản. Biên bản kê biên tài sản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

3. Biên bản kê biên được lập thành 02 bản, cơ quan chủ trì việc kê biên giữ 01 bản, 01 bản giao cho cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị kê biên ngay sau khi hoàn thành việc lập biên bản.

Điều 27. Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm

1. Trước khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, người chủ trì việc kê biên có văn bản yêu cầu cơ quan đăng ký cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký.

2. Sau khi kê biên, người chủ trì việc kê biên thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký về việc kê biên tài sản đó để xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm trong cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt

a) Cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký cho người chủ trì việc kê biên theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tạm dừng hoặc dừng việc thực hiện các yêu cầu liên quan đến các giao dịch đối với tài sản của người bị cưỡng chế đăng ký tại cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm ngay sau khi nhận được yêu cầu của người chủ trì kê biên, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế;

c) Thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất cho người mua được tài sản;

d) Thu hồi, sửa đổi, hủy các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đất, giấy tờ đăng ký giao dịch bảo đảm đã cấp cho người bị cưỡng chế; thực hiện việc cấp mới các giấy tờ theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp

1. Trường hợp tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế, người chủ trì việc cưỡng chế có quyền kê biên, xử lý tài sản của người bị cưỡng chế đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế.

2. Khi kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp, người chủ trì việc kê biên phải thông báo ngay cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp; khi xử lý tài sản kê biên, người nhận cầm cố, nhận thế chấp được ưu tiên thanh toán sau khi trừ chi phí cưỡng chế.

Điều 29. Kê biên vốn góp

Người chủ trì việc kê biên yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi người bị cưỡng chế có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của người bị cưỡng chế để kê biên phần vốn góp đó. Trong trường hợp cần thiết, người chủ trì việc kê biên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của người bị cưỡng chế; trung cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của người bị cưỡng chế để cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt.

Điều 30. Kê biên tài sản gắn liền với đất

Khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó.

Điều 31. Kê biên nhà ở

1. Việc kê biên nhà ở là nơi ở duy nhất của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế và gia đình chỉ được thực hiện nếu nhà ở đó không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định này và sau khi xác định tổ chức, cá nhân đó không có các tài sản khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế, trừ trường hợp người bị cưỡng chế đồng ý kê biên nhà ở để thi hành quyết định cưỡng chế.

2. Khi kê biên nhà ở phải kê biên cả quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở. Trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác thì người chủ trì việc kê biên chỉ kê biên nhà ở và quyền sử dụng đất nếu người có quyền sử dụng đất đồng ý. Trường hợp người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì chỉ kê biên nhà ở của người bị cưỡng chế, nếu việc tách rời nhà ở và đất không làm giảm đáng kể giá trị căn nhà.

3. Khi kê biên nhà ở của người phải thi hành án đang cho thuê, cho ở nhờ thì người chủ trì việc kê biên phải thông báo ngay cho người đang thuê, đang ở nhờ biết.

Trường hợp tài sản kê biên là nhà ở, cửa hàng đang cho thuê được bán đấu giá mà thời hạn thuê hoặc thời hạn lưu cư vẫn còn thì người thuê có quyền tiếp tục được thuê hoặc lưu cư theo quy định của Bộ luật Dân sự.

4. Việc kê biên nhà ở bị khóa được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

Điều 32. Kê biên phương tiện giao thông

1. Trường hợp kê biên phương tiện giao thông của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế, người chủ trì việc kê biên yêu cầu người bị cưỡng chế, người đang

11

quản lý, sử dụng phương tiện đó phải giao giấy đăng ký phương tiện đó (nếu có).

2. Đối với phương tiện giao thông đang được khai thác sử dụng thì sau khi kê biên, người chủ trì việc kê biên có thể thu giữ hoặc giao cho người bị cưỡng chế, người đang quản lý, sử dụng tiếp tục khai thác sử dụng, bảo quản nhưng không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp.

Trường hợp giao cho người bị cưỡng chế, người đang quản lý, sử dụng tiếp tục khai thác sử dụng phương tiện giao thông thì người chủ trì việc cưỡng chế cấp cho người đó biên bản thu giữ giấy đăng ký để phương tiện được phép tham gia giao thông.

3. Người chủ trì việc kê biên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cầm chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, cho thuê hoặc hạn chế giao thông đối với phương tiện bị kê biên.

4. Việc kê biên đối với tàu bay, tàu biển được thực hiện theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu bay, tàu biển.

Điều 33. Kê biên hoa lợi

Trường hợp tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế có tài sản mang lại hoa lợi thì tiến hành kê biên hoa lợi đó. Đối với hoa lợi là lương thực, thực phẩm thì khi kê biên, phải để lại một phần để người bị cưỡng chế và gia đình họ sinh sống theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 22 của Nghị định này.

Điều 34. Giao bảo quản tài sản kê biên

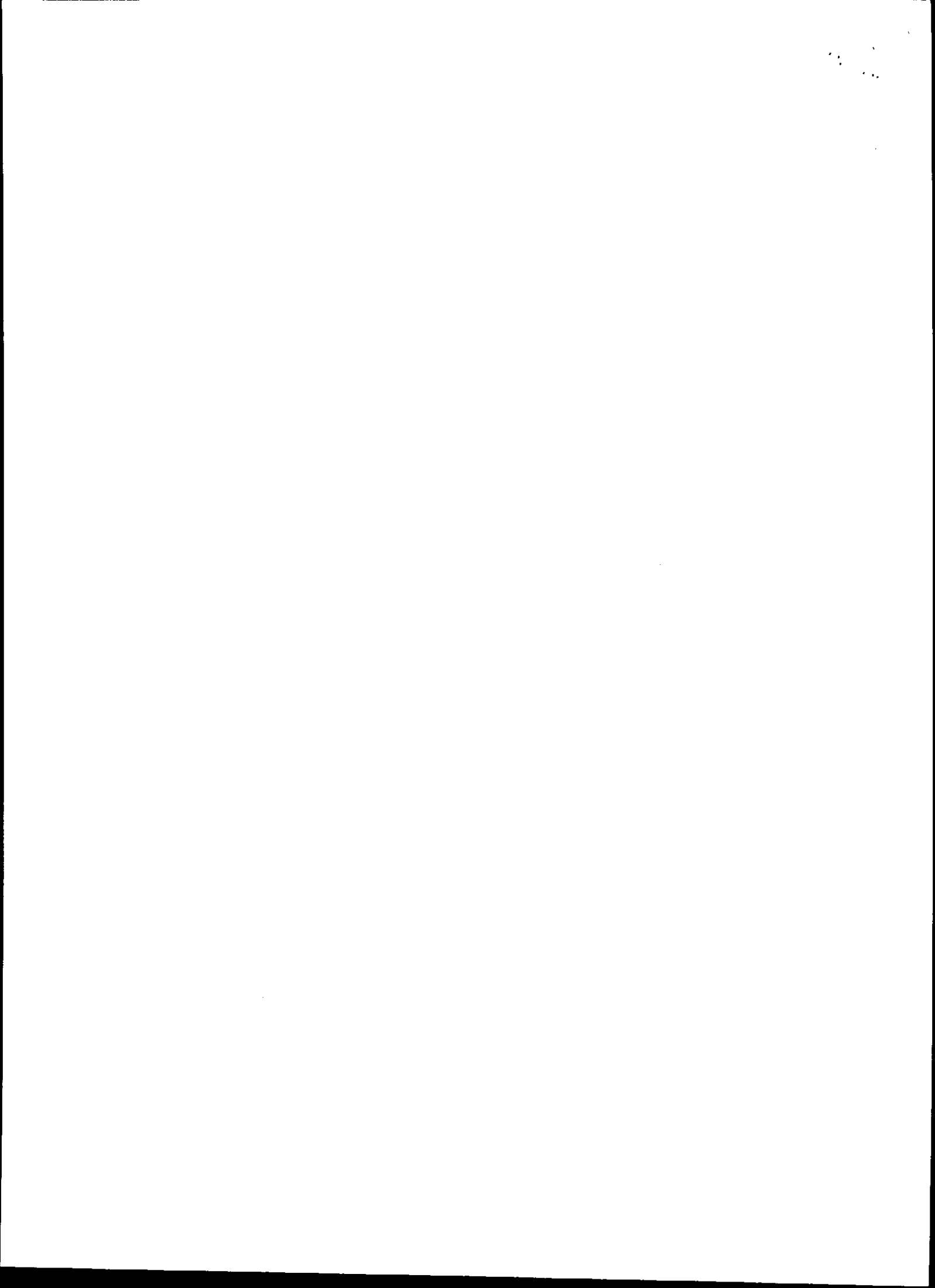
1. Người chủ trì thực hiện kê biên lựa chọn một trong các hình thức sau đây để bảo quản tài sản kê biên:

a) Giao cho người bị cưỡng chế, thân nhân của người bị cưỡng chế hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó bảo quản;

b) Giao cho một trong những đồng sở hữu chung bảo quản nếu tài sản đó thuộc sở hữu chung;

c) Giao cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản.

2. Đối với tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ thì tạm giao cho Kho bạc Nhà nước quản lý; đối với vật có giá trị lịch sử, văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm thì tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý.



3. Khi giao bảo quản tài sản kê biên, người chủ trì thực hiện kê biên phải lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian bàn giao bảo quản; họ và tên người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người được giao bảo quản tài sản, người chứng kiến việc bàn giao; số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản; quyền và nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản.

Người chủ trì thực hiện kê biên, người được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến ký tên vào biên bản. Biên bản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Biên bản được giao cho người được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến và người chủ trì thực hiện kê biên mỗi người giữ 01 bản.

4. Người được giao bảo quản tài sản được thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để bảo quản tài sản, trừ những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Người được giao bảo quản tài sản gây hư hỏng, đánh tráo, làm mất hoặc hủy hoại tài sản thì phải chịu trách nhiệm bồi thường và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Định giá tài sản kê biên

1. Việc định giá tài sản đã kê biên được tiến hành tại nhà của cá nhân hoặc trụ sở của tổ chức bị kê biên hoặc nơi lưu giữ, *bảo quản* tài sản bị kê biên, trừ trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá tài sản.

2. Tài sản đã kê biên được định giá theo sự thỏa thuận giữa người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế với đại diện tổ chức hoặc cá nhân bị cưỡng chế và chủ sở hữu chung trong trường hợp kê biên tài sản chung. Thời hạn để các bên thỏa thuận về giá không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên.

Trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản. Hội đồng định giá tài sản gồm có người đã ra quyết định cưỡng chế là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng định giá tài sản phải tiến hành việc định giá. Việc định giá tài sản dựa trên giá

thị trường tại thời điểm định giá. Đối với tài sản mà Nhà nước *định giá* thì việc định giá dựa trên cơ sở giá tài sản do Nhà nước quy định.

Hội đồng định giá tài sản làm việc theo nguyên tắc tập thể. Cuộc họp định giá tài sản của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng triệu tập và phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Trong cuộc họp định giá, mỗi thành viên của Hội đồng định giá tài sản phát biểu ý kiến của mình về giá trị của tài sản. Các quyết định về giá tài sản phải được quá nửa số thành viên Hội đồng tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng hoặc người được ủy quyền điều hành cuộc họp định giá tài sản. Cá nhân bị kê biên hoặc đại diện tổ chức có tài sản bị kê biên được tham gia ý kiến vào việc định giá, nhưng quyền quyết định giá thuộc Hội đồng định giá tài sản.

3. Việc định giá tài sản phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành định giá, thành phần những người tham gia định giá, tên và trị giá tài sản đã được định giá, chữ ký của các thành viên tham gia định giá và của chủ tài sản.

Điều 36. Chuyển giao tài sản đã kê biên để đấu giá

1. Đối với tài sản bị kê biên để đấu giá, giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Điều 35 Nghị định này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế ký hợp đồng đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản bị kê biên để bán đấu giá; trường hợp không ký được hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thì thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản, *trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 25 của Nghị định này*.

Việc bán đấu giá tài sản bị kê biên được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

2. Sau khi đã ký hợp đồng bán đấu giá tài sản, người chủ trì thực hiện kê biên tiến hành chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá. Việc chuyển giao phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ: Thời gian bàn giao; người bàn giao, người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng tài sản. Hồ sơ bàn giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá bao gồm: Quyết định cưỡng chế kê biên; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tài sản và biên bản bàn giao tài sản đó.

3. Trong trường hợp tài sản kê biên là hàng hóa công kênh hoặc có số lượng lớn mà cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá không có nơi cất giữ tài sản thì sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển giao có thể ký hợp đồng bảo quản tài

11

12

sản với nơi đang giữ tài sản đó. Chi phí cho việc thực hiện hợp đồng bảo quản được thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được sau khi bán đấu giá.

4. Đối với tài sản thuộc sở hữu chung, khi bán đấu giá thì ưu tiên bán cho người đồng sở hữu trước.

5. Trường hợp số tiền bán đấu giá tài sản nhiều hơn số tiền ghi trong quyết định xử phạt và chi phí cho việc cưỡng chế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bán đấu giá, cơ quan thi hành biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản bán đấu giá làm thủ tục trả lại phần chênh lệch cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế. *Việc trả lại phần chênh lệch cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải lập thành biên bản.*

Điều 37. Chuyển giao quyền sở hữu tài sản

1. Người mua tài sản kê biên được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản đó.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho người mua theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ chuyển quyền sở hữu gồm có:

a) Bản sao quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản để đấu giá;

b) Biên bản đấu giá tài sản;

c) Các giấy tờ khác liên quan đến tài sản *kê biên để đấu giá* (nếu có).

Mục 4

THU TIỀN, TÀI SẢN KHÁC CỦA ĐỐI TƯỢNG BỊ CƯỖNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH DO CÁ NHÂN, TỔ CHỨC KHÁC ĐANG GIỮ TRONG TRƯỜNG HỢP CÁ NHÂN, TỔ CHỨC SAU KHI VI PHẠM CÓ TÌNH TẮT TÁN TÀI SẢN

Điều 38. Điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm có tình tẩu tán tài sản

Việc cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác (sau đây gọi chung là bên thứ ba) đang giữ được áp dụng khi người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có căn cứ xác định bên thứ ba đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế.

Điều 39. Xác minh thông tin về tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ

1. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm xác minh thông tin về tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế; điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản do bên thứ ba đang giữ và chứng minh được hành vi cố tình tẩu tán tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế sau khi vi phạm.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế và hành vi tẩu tán của đối tượng bị cưỡng chế khi có yêu cầu của cơ quan ra quyết định cưỡng chế.

Điều 40. Trách nhiệm của bên thứ ba đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế

1. Cung cấp cho *người* có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông tin về số tiền, tài sản đang giữ của đối tượng *bị* cưỡng chế khi có yêu cầu.

2. Khi nhận được văn bản yêu cầu của *người* có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế, không được chuyển trả tiền, tài sản cho đối tượng bị cưỡng chế cho đến khi thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước hoặc chuyển giao tài sản cho *người* có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế để làm thủ tục bán đấu giá.

3. Trường hợp bên thứ ba không thực hiện được yêu cầu của *người* có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc tẩu tán tiền, tài sản đang giữ của đối tượng bị cưỡng chế thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản

Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản bao gồm những nội dung sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức đang giữ tiền, tài sản; số tiền, tài sản bị thu; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

Điều 42. Tổ chức thi hành cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản

1. Trước khi tiến hành cưỡng chế, nếu bên thứ ba đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện thi hành quyết định cưỡng chế thì cơ quan chủ trì cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện thi hành.

100

2. Khi cưỡng chế để thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản phải có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến.

3. Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm tổ chức cưỡng chế; cơ quan chủ trì tiến hành cưỡng chế; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức đang giữ tiền, tài sản; đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành cưỡng chế hoặc người chứng kiến; số tiền, tài sản và tình trạng tài sản bị thu.

4. Cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế; cá nhân, đại diện tổ chức đang giữ tiền, tài sản; đại diện cơ quan ra quyết định cưỡng chế, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến ký vào biên bản. Biên bản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

5. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, cá nhân, đại diện tổ chức đang giữ tiền, tài sản cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến.

6. Biên bản được lập thành ít nhất 02 bản, cơ quan ra quyết định cưỡng chế giữ 01 bản, 01 bản giao cho cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế ngay sau khi hoàn thành việc lập biên bản.

Mục 5

BUỘC THỰC HIỆN BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 43. Biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

Các biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Nghị định này. Trường hợp các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có quy định khác về biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì thực hiện theo quy định của nghị định đó.

Điều 44. Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm những nội dung sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện; thời

gian hoàn thành cưỡng chế; cá nhân, cơ quan có trách nhiệm chủ trì tổ chức các hoạt động cưỡng chế; cơ quan có trách nhiệm tham gia; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

Điều 45. Tổ chức thi hành cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

1. Khi nhận được quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, cá nhân, tổ chức được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phải phối hợp với các cơ quan có liên quan huy động lực lượng, phương tiện để thực hiện biện pháp đã ghi trong quyết định.

2. Trước khi tiến hành cưỡng chế, nếu cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế tự nguyện thi hành thì cơ quan chủ trì cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện thi hành.

3. Khi thực hiện cưỡng chế để thi hành biện pháp khắc phục hậu quả có thể mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến.

4. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến.

5. Trường hợp cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế về việc phá dỡ, di chuyển công trình xây dựng trái phép hoặc bàn giao đất mà trong công trình và trên đất đó có tài sản không thuộc diện phải cưỡng chế thì người tổ chức cưỡng chế có quyền buộc cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế và những người khác có mặt trong công trình ra khỏi công trình hoặc khu vực đất, đồng thời yêu cầu họ tự chuyển tài sản ra theo. Nếu họ không tự nguyện thực hiện thì người tổ chức cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi công trình hoặc khu vực đất đó.

Nếu họ từ chối nhận tài sản, người tổ chức cưỡng chế phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản và thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để trông giữ, bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan ra quyết định cưỡng chế và thông báo địa điểm, thời gian để cá nhân, tổ chức có tài sản nhận lại tài sản. Cá nhân, tổ chức có tài sản phải chịu các chi phí vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản.

Quá thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo đến nhận tài sản mà cá nhân, tổ chức có tài sản không đến nhận thì tài sản đó được bán đấu giá theo quy định của pháp luật. Số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, trông giữ, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng và thông báo cho cá nhân, tổ chức có tài sản biết để nhận khoản tiền đó. Đối với tài sản hư hỏng và không còn giá trị, người tổ chức

10

cưỡng chế tổ chức tiêu hủy theo quy định của pháp luật. Người tổ chức cưỡng chế phải lập biên bản ghi rõ hiện trạng của tài sản trước khi tiêu hủy.

6. Trường hợp cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật mà người bị cưỡng chế chưa thực hiện được ngay thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng một trong các biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 46. Biên bản thi hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

1. Việc thi hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả phải được lập biên bản và giao cho người bị cưỡng chế một bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì tiến hành cưỡng chế; cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; đại diện *Ủy ban nhân dân cấp xã* hoặc người chứng kiến; *cơ quan phối hợp cưỡng chế (nếu có)*; kết quả thực hiện.

2. Cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế, đại diện cơ quan ra quyết định cưỡng chế, đại diện *Ủy ban nhân dân cấp xã* hoặc người chứng kiến xã, *cơ quan phối hợp cưỡng chế (nếu có)* ký vào biên bản. *Biên bản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản.* Trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

3. *Biên bản được lập thành ít nhất 02 bản, cơ quan ra quyết định cưỡng chế giữ 01 bản, 01 bản giao cho cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế ngay sau khi hoàn thành việc lập biên bản.*

Chương III

BẢO ĐẢM THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ

Điều 47. Các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế

1. Khi có quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, nếu có dấu hiệu cho thấy cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có hành vi tẩu tán hoặc làm hư hại tiền bạc, tài sản thì người đã ra quyết định cưỡng chế có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan, *Ủy ban nhân dân cấp xã* nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú hoặc công tác, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở thực hiện biện pháp phong tỏa nhằm ngăn chặn việc tẩu tán tiền bạc, tài sản.

2. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có hành vi chống đối không thực hiện quyết định cưỡng chế sau khi đã vận động, giải thích, thuyết phục

nhưng không có hiệu quả thì người đã ra quyết định cưỡng chế có quyền huy động lực lượng, phương tiện để bảo đảm thi hành cưỡng chế.

3. Cá nhân bị cưỡng chế mà chưa thực hiện hoặc trốn tránh thực hiện thì bị đưa vào diện không được xuất cảnh.

Điều 48. Chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế để bảo đảm thi hành

1. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định cưỡng chế tại nơi thực hiện hành vi vi phạm thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở để tổ chức thi hành. Nếu nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở không có cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế cùng cấp thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức thi hành.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế ở địa bàn cấp huyện thuộc phạm vi một tỉnh ở miền núi, hải đảo hoặc những vùng xa xôi, hẻo lánh khác mà việc đi lại gặp khó khăn và cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không có điều kiện chấp hành tại nơi bị ra quyết định cưỡng chế thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành.

2. Cơ quan chuyên việc thi hành cưỡng chế có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cho cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi cá nhân cư trú, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở để tổ chức thi hành.

Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo chuyển và hồ sơ vụ việc, cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

Điều 49. Cưỡng chế đối với cá nhân, tổ chức vừa bị áp dụng các hình thức xử phạt vừa bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả

1. Trường hợp cá nhân, tổ chức vừa không chấp hành các hình thức xử phạt, vừa không chấp hành một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả, thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng đồng thời các biện pháp cưỡng chế quy định tại Mục 1, 2, 3 hoặc 4 Chương II và Mục 5 Chương II Nghị định này hoặc cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trước, cưỡng chế thi hành các hình thức xử phạt sau đối với cá nhân, tổ chức đó, trừ trường hợp quy định tại Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp cá nhân, tổ chức chỉ chấp hành *các hình thức xử phạt* mà không chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả hoặc chỉ chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả mà không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại Mục 1, 2, 3 và 4 Chương II hoặc Mục 5 Chương II Nghị định này đối với cá nhân, tổ chức đó.

Điều 50. Quyết định về việc chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt

1. Trường hợp đã tiến hành xác minh mà có căn cứ xác định chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế ban hành quyết định về việc chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người phải thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người đó, người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng và không có tài sản để cưỡng chế thi hành hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế hoặc tài sản không được kê biên;

b) Chưa xác định được địa chỉ, nơi cư trú của người phải thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Kể từ ngày ban hành quyết định về việc chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được 06 tháng, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải tổ chức xác minh điều kiện cưỡng chế thi hành. Sau khi xác minh mà vẫn xác định chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế ban hành quyết định chấm dứt việc cưỡng chế. Việc xác minh lại được tiến hành khi có thông tin mới về điều kiện cưỡng chế thi hành.

2. Khi có điều kiện cưỡng chế thi hành thì người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế phải hủy bỏ quyết định chấm dứt việc cưỡng chế để tiếp tục thực hiện cưỡng chế.

Chương IV CHI PHÍ CƯỖNG CHẾ

Điều 51. Xác định chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế đã phát sinh trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế phù hợp với mức giá ở từng địa phương.

2. Chi phí cưỡng chế bao gồm:

a) *Chi phí bồi dưỡng cho những người trực tiếp thực hiện, tham gia thực hiện quyết định cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế;*

b) Chi phí thù lao cho các chuyên gia định giá để tổ chức đấu giá, chi phí tổ chức bán đấu giá tài sản;

c) Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản;

d) Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã kê biên;

đ) Chi phí thực tế khác (nếu có).

Điều 52. Tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

Trường hợp số tiền thu được của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không đủ để chi phí cưỡng chế thì phần còn thiếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm *quy định chi tiết* việc quản lý, cấp phát, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

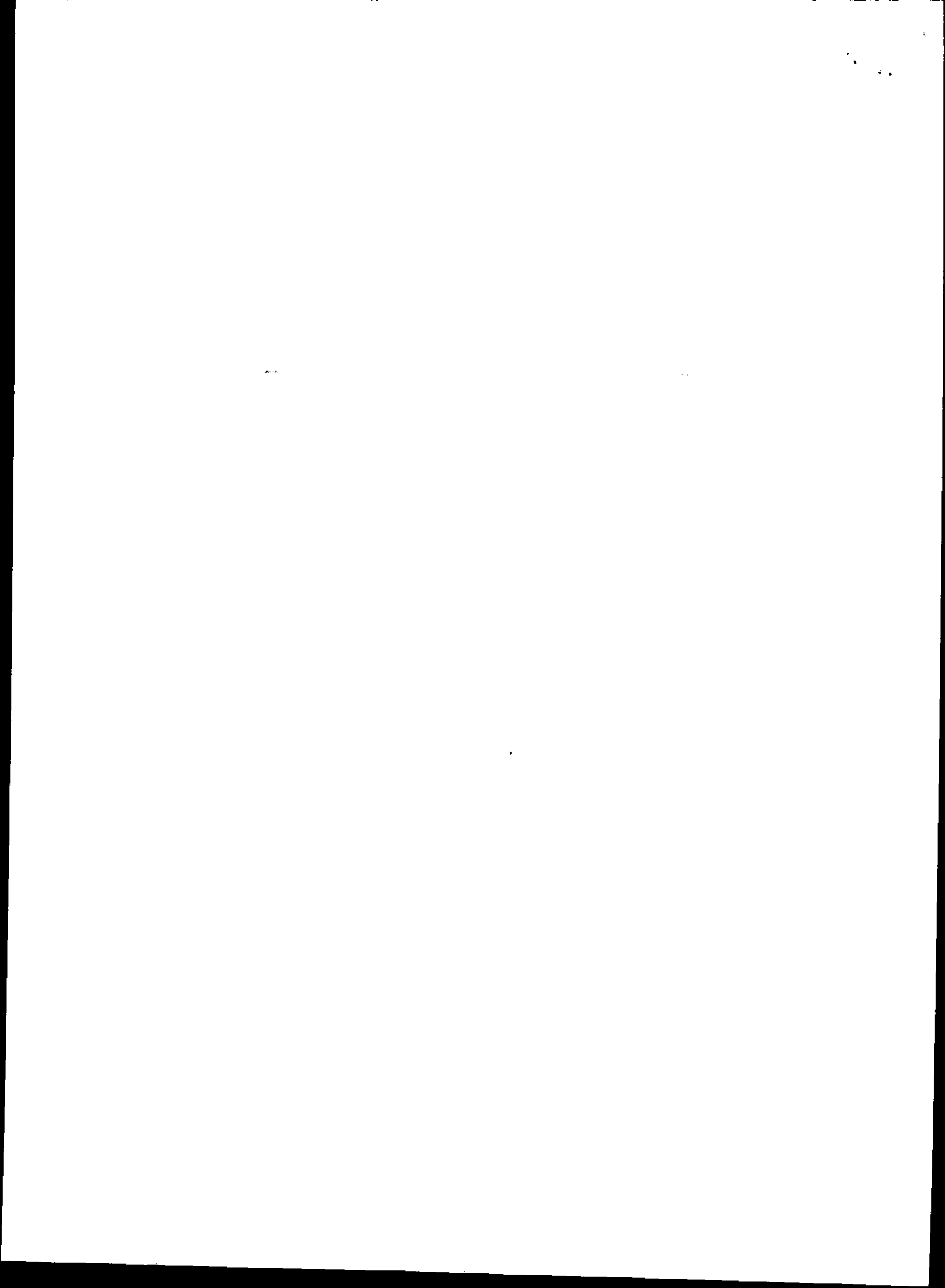
Điều 53. Thanh toán chi phí cưỡng chế

Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thể ra quyết định cưỡng chế bằng các biện pháp quy định tại các điểm a, b và c Khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng..... năm 2024 và thay thế Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.



Điều 55. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính mà đang xem xét, giải quyết, ra quyết định cưỡng chế trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà chưa tổ chức thi hành cưỡng chế, thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý.

2. Đối với quyết định cưỡng chế đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế còn khiếu nại, thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 56. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (3b). xxi

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

